

DỰ THẢO

Cao Bằng, ngày tháng năm 2026

**BẢNG SO SÁNH NGHỊ QUYẾT SỐ 80/2016/NQ-HĐND, NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2019/NQ-HĐND
VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/HQ15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức và hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 43/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 43/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 43/2019/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	Thuyết minh
Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày	Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/HQ15; <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số</i>	

<p>25/11/2015; Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 29/11/2006; Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đứơc Thiên (Trung Quốc) giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 05/11/2015;</p>	<p>89/2025/QH15; Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Căn cứ Luật Thể dục thể thao số 77/2006/HQ11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14; Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Căn cứ Luật Thư viện số 46/2019/QH14; <i>Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;</i> Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; <i>Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;</i> Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông</p>	
---	---	--

	<p>tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>Thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đứơc Thiên (Trung Quốc) giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 05 tháng 11 năm 2015.</p>	
<p>Điều 1: Nhất trí thông qua mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>a) Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>b) Đối tượng áp dụng</p> <p>Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử; phí tham quan danh lam thắng cảnh; phí thư viện; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p>	
<p>2. Đối tượng nộp phí</p> <p>- Đối với phí tham quan di tích lịch sử và</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ</p>	

<p>danh lam thắng cảnh: Đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân, các đoàn khách tham quan trong nước và người nước ngoài, tham quan tại khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với phí thư viện: Đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân đến mượn và đọc sách; - Đối với phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, <i>các</i> câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: Đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. 	<p>chức và cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p>	
<p>3. Mức thu</p>	<p>Điều 3. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	
<p>I. Phí tham quan di tích lịch sử</p> <p>1. Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó (xã Trường Hà, huyện Hà Quảng)</p> <p>a) Đối với người lớn: 20.000 đồng/lần/người b) Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến 16 tuổi): 10.000 đồng/lần/người Đề lại đơn vị 65%; nộp ngân sách 35%.</p> <p>2. Khu di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo (xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình)</p> <p>a) Đối với người lớn: 10.000 đồng/lần/người b) Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến 16 tuổi): 5.000 đồng/lần/người Đề lại đơn vị 90%; nộp ngân sách 10%.</p> <p>3. Khu di tích Quốc gia đặc biệt địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 (huyện</p>	<p>1. Phí tham quan danh lam thắng cảnh tại Khu du lịch thác Bản Giốc</p> <p>a) Người nộp phí Các tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài tham quan tại danh lam thắng cảnh.</p> <p>b) Đối tượng miễn, giảm phí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em dưới 06 tuổi. - Giảm 50% phí đối với người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; người khuyết tật nặng; người cao tuổi. <p>c) Tổ chức thu phí: Ban Quản lý Khu du lịch thác Bản Giốc.</p> <p>d) Mức thu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với người lớn: 40.000 đồng/lần/người 	<p><i>* BQL Khu du lịch thác Bản Giốc đề xuất giữ nguyên mức thu phí theo Nghị quyết 43/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong bối cảnh du lịch đang cạnh tranh điềm đến ngày càng cao và có nhiều địa phương không tăng giá vé, việc giữ nguyên mức thu phí nhằm tạo lợi thế cạnh tranh, tăng lượng khách bù doanh thu và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững. - So với du khách nhập cảnh qua Khu cảnh quan, khách đến từ nội địa sẽ không sử dụng dịch vụ qua biên giới; không phát sinh kiểm soát xuất nhập cảnh; không cần phối hợp lực lượng song phương... Do đó, khách nội địa chỉ trả tiền cho phí tham quan sử dụng là 40.000 đồng.

<p>Thạch An) Chưa thực hiện thu phí và trích phí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi): 20.000 đồng/lần/người - Mức thu phí đối với khách du lịch từ phía Trung Quốc vào tham quan Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc): 70.000 đồng/lần/người (bao gồm: phí tham quan; phí bảo hiểm, phí xuất nhập cảnh). <p>đ) Tỷ lệ trích, nộp <i>Ban Quản lý Khu du lịch thác Bản Giốc để lại 50% số thu phí phục vụ các chi phí cho việc thu phí, nộp 50% số thu phí vào ngân sách địa phương.</i></p>	<p><i>* Căn cứ mức thu phí đối với du khách phía Trung Quốc trong hoạt động đưa đón khách du lịch qua lại Khu cảnh quan thác Bản Giốc, xác định như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại mục III. Biên bản hội đàm lần thứ 2 giữa Văn phòng Thường trực của UBND tỉnh Cao Bằng và Tổ công tác liên ngành của UBND cấp tỉnh Quảng Tây ngày 09/02/2018 đã thống nhất như sau: “Trong thời gian thí điểm, phía Việt Nam duy trì giá vé trong mức 20 NDT (khoảng 70.000 VNĐ), phía Trung Quốc miễn phí vé vào cửa cho du khách từ phía Việt Nam qua khu cảnh quan phía Trung Quốc tròn vòng 05 năm” (có Biên bản hội đàm gửi kèm). - Tại Nghị quyết số 43/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm 1 mục II khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, quy định mức thu đối với khách du lịch từ phía Trung Quốc vào tham quan Khu cảnh quan là 70.000 đồng/người/lượt (bao gồm phí bảo hiểm, phí làm thủ tục xuất nhập cảnh). - Tại mục I. Biên bản hội đàm lần thứ 13 giữa Văn phòng Thường trực của UBND tỉnh Cao Bằng và Tổ công tác liên ngành của UBND cấp tỉnh Quảng Tây ngày 07/8/2024 tiếp tục thống nhất: “...phía Việt Nam thu vé vào cửa của du khách Trung Quốc vào Khu cảnh quan phía Việt Nam là 70.000 VNĐ/người/lượt. Chính sách ưu đãi về vé
---	--	---

		<p>như trên sẽ thực hiện trong vòng 05 năm, cụ thể thời gian từ ngày 15/9/2023 đến ngày 14/9/2028” (có Biên bản hội đàm gửi kèm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, mức thu là 70.000đ/người/lượt đối với khách du lịch từ phía Trung Quốc vào tham quan Khu cảnh quan, đã bao gồm cả phí vào Khu cảnh quan, phí bảo hiểm, phí làm thủ tục xuất nhập cảnh. - Đặc thù du lịch qua biên giới: Khách Trung Quốc tham quan Khu cảnh quan sẽ phải thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh; chịu kiểm soát an ninh đặc biệt; có lực lượng phối hợp song phương; phải mua bảo hiểm bắt buộc. - Chi phí phát sinh thực tế gồm: Nhân lực kiểm soát của 02 bên cùng phối hợp; hệ thống giám sát Camera, công kiểm soát; bảo hiểm bắt buộc; quản lý rủi ro, tăng cường an ninh... đây là chi phí quản lý hành chính phát sinh do hình thức du lịch đặc thù qua biên giới.
<p>II. Phí tham quan danh lam thắng cảnh</p>	<p>2. Phí tham quan danh lam thắng cảnh tại danh thắng Động Ngườm Ngao</p>	
<p>1. Phí tham quan Khu du lịch thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) 1.1. Đối với khách du lịch từ phía Việt Nam vào tham quan Khu du lịch thác Bản Giốc a) Đối với người lớn: 40.000 đồng/lần/người b) Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến 16 tuổi): 20.000 đồng/lần/người</p>	<p>a) Người nộp phí Các tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài tham quan tại danh lam thắng cảnh. b) Đối tượng miễn, giảm phí - Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em dưới 06 tuổi. - Giảm 50% phí đối với người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa; người</p>	<p>Việc không đề xuất điều chỉnh mức thu phí thể hiện định hướng phát triển du lịch bền vững, lấy thu hút khách du lịch làm trọng tâm. Mức phí 40.000 đồng/lượt đối với người lớn và 20.000 đồng/lượt đối với trẻ em, đối tượng ưu tiên hiện nay vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung, phù hợp với khả năng chi trả của đa số du khách, qua đó góp phần duy</p>

<p>Đề lại đơn vị 100%.</p> <p>1.2. Đối với khách du lịch từ phía Trung Quốc vào tham quan Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đứơc Thiên (Trung Quốc)</p> <p>Mức thu: 70.000 đồng/lần/người (bao gồm phí tham quan là 60.000 đồng; phí bảo hiểm là 10.000 đồng)</p> <p>Đề lại đơn vị 100%.</p> <p>2. Phí tham quan Động Ngườm Ngao (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh)</p> <p>a) Đối với người lớn: 40.000 đồng/lần/người</p> <p>b) Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến 16 tuổi): 20.000 đồng/lần/người</p> <p>Đề lại đơn vị 50%; nộp ngân sách 50%</p>	<p>khuyết tật nặng; người cao tuổi.</p> <p>c) Tổ chức thu phí: Công ty cổ phần Du lịch Cao Bằng.</p> <p>d) Mức thu</p> <p>- Đối với người lớn: 40.000 đồng/lần/người</p> <p>- Đối với trẻ em (từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi): 20.000 đồng/lần/người</p> <p>đ) Tỷ lệ trích, nộp</p> <p>Công ty cổ phần Du lịch Cao Bằng đề lại 50% số thu phí phục vụ các chi phí cho việc thu phí, nộp 50% số thu phí vào ngân sách địa phương.</p>	<p>trì và mở rộng thị trường khách, đặc biệt là khách nội địa.</p> <p>Đồng thời, không đề xuất điều chỉnh tỷ lệ đề lại là phù hợp với thực tế, vừa đảm bảo nguồn thu ngân sách, vừa tạo điều kiện cho đơn vị có nguồn lực duy trì hoạt động, tái đầu tư, bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh.</p> <p>Việc đề xuất mức thu phí và tỷ lệ đề lại theo quy định hiện hành là giải pháp hài hòa giữa yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển du lịch và khả năng cân đối tài chính của đơn vị, góp phần đảm bảo hoạt động ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ và hướng tới phát triển bền vững Khu du lịch Động Ngườm Ngao trong thời gian tới.</p>
<p>III. Phí Thư viện</p> <p>1. Thẻ mượn tài liệu người lớn: 30.000 đồng/thẻ/năm/người;</p> <p>2. Thẻ mượn tài liệu thiếu nhi: 15.000 đồng/thẻ/năm/người;</p> <p>3. Phòng đọc tổng hợp: 15.000 đồng/thẻ/năm/người;</p> <p>4. Phòng đọc thiếu nhi: 10.000 đồng/thẻ/năm/người;</p> <p>5. Phí khai thác, sử dụng tài liệu ngoại văn, địa chí quý hiếm: 100.000 đồng/thẻ/năm/người;</p> <p>Đề lại đơn vị 90%; nộp ngân sách 10%</p>	<p>3. Phí Thư viện</p> <p>a) Người nộp phí</p> <p>Tổ chức, cá nhân đến mượn và đọc sách tại thư viện.</p> <p>b) Đối tượng miễn, giảm phí</p> <p>Miễn phí đối với <i>thương binh</i>, người khuyết tật, <i>người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi</i> theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên; Đối với trẻ em dưới 16 tuổi.</p> <p>Giảm 50% phí đối với người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa.</p> <p>c) Tổ chức thu phí: Thư viện tỉnh Cao Bằng.</p>	<p>- Đề xuất giữ nguyên mức thu phí, tỷ lệ đề lại đơn vị theo quy định tại Nghị quyết số 820/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Căn cứ quy định tại khoản 5, điều 44, Luật Thư viện số 46/2019/QH14: “Trẻ em, người cao tuổi, thương binh, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn các khoản chi phí làm thẻ thư viện”. Vì vậy, dự thảo Nghị quyết đã bổ sung đối tượng miễn phí thư viện đối với: Người cao tuổi, trẻ em dưới 16 tuổi, thương binh, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.</p>

	<p>d) Mức thu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ mượn tài liệu người lớn: 30.000 đồng/thẻ/năm/người; - Thẻ mượn tài liệu thiếu nhi: 15.000 đồng/thẻ/năm/người; - Phòng đọc tổng hợp: 15.000 đồng/thẻ/năm/người; - Phòng đọc thiếu nhi: 10.000 đồng/thẻ/năm/người; - Phí khai thác, sử dụng tài liệu ngoại văn, địa chỉ quý hiếm: 100.000 đồng/thẻ/năm/người; <p>đ) Tỷ lệ trích, nộp theo quy định: Để lại 90% số thu phí phục vụ các chi phí cho việc thu phí; nộp 10% số thu phí vào ngân sách địa phương.</p>	
<p>IV. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp Mức thu: 2.000.000 đồng/lần Để lại đơn vị 30%; nộp ngân sách 70%.</p>	<p>4. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp</p> <p>a) Người nộp phí Các doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.</p> <p>b) Đối tượng miễn, giảm phí: - Miễn phí: Không - Giảm 50% phí đối với doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>c) Tổ chức thu phí: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.</p> <p>d) Mức thu <i>Cấp lần đầu:</i></p>	<p>* Nguyên tắc xác định mức thu: (1) Đảm bảo theo Điều 4, Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính: a) Căn cứ mức thu phí hiện hành theo Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND để làm cơ sở đề xuất mức thu. b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; chi phí phục vụ cho công tác thẩm định. c) Đối với các khoản phí vừa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân mức thu phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí do Bộ Tài chính quy định. d) Tham khảo mức thu của một số địa phương:</p>

	<p><i>Kinh doanh 01 môn thể thao: 1.000.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Kinh doanh 02 môn thể thao: 1.500.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Kinh doanh 03 môn thể thao: 2.000.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Kinh doanh 04 môn thể thao trở lên: 2.500.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Cấp lại:</i></p> <p><i>Do bị mất hoặc hư hỏng, thay đổi tên, địa chỉ doanh nghiệp hoặc giảm danh mục thể thao: 200.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Thay đổi địa điểm kinh doanh: 500.000 đồng/lần</i></p> <p><i>Điều chỉnh tăng danh mục thể thao: 500.000 đồng/lần</i></p> <p><i>đ) Tỷ lệ trích, nộp theo quy định: Nộp 100% số thu phí vào ngân sách địa phương.</i></p>	<p>* Tỉnh Hà Giang (Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp lần đầu: <ul style="list-style-type: none"> + Kinh doanh 01 môn thể thao: 1.000.000 đồng/lần + Kinh doanh 02 môn thể thao: 1.500.000 đồng/lần + Kinh doanh 03 môn thể thao: 2.000.000 đồng/lần + Kinh doanh 04 môn thể thao trở lên: 2.500.000 đồng/lần. - Cấp lại : <ul style="list-style-type: none"> + Do bị mất hoặc hư hỏng, thay đổi tên, địa chỉ doanh nghiệp hoặc giảm danh mục thể thao: 200.000 đồng/lần + Do thay đổi địa điểm kinh doanh: 500.000 đồng/lần + Do điều chỉnh tăng danh mục thể thao: 500.000 đồng/lần. - Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao theo loại hình một môn và nhiều môn, vì vậy việc thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp cũng đòi hỏi nhiều yếu tố. Để phù hợp với nhu cầu thực tiễn tại địa phương Sở VH-TTDL đề xuất cấp giấy phép chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp với loại hình kinh doanh một môn và nhiều môn.
--	---	--

<p>1. Đối tượng miễn, giảm nộp phí</p>		
<p>a) Đối với phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Giảm 50% mức phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá đối với các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đối tượng cư trú; + Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; + Người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 	<p>Chi tiết tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	<p>Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “Miễn, giảm phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, bảo tàng đối với trẻ em, người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật”.</p>

<p>Luật Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên; + Đối với người thuộc diện hưởng cả hoặc 3 trường hợp ưu đãi trên thì chỉ được giảm 50% phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.</p>		
<p>b) Phí thư viện: - Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau: + Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đối tượng cư trú; + Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</p>	<p>Chi tiết tại khoản 3 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	

<p>+ Trường hợp vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.</p>		
<p>c) Đối với phí thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: Không có.</p>	<p>Chi tiết tại khoản 4 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	
<p>5. Kê khai, nộp phí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước; - Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NDD-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ. 		
<p>6. Tổ chức thu phí, quản lý và sử dụng phí</p>		
<p>a) Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng: Tổ chức thu phí tại Điểm I, Mục I, Khoản 3, Điều này; tổ chức thu phí được để lại 65% (sáu mươi năm phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc</p>		

<p>thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 35% (ba mươi năm phần trăm) phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.</p>		
<p>a) Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo tỉnh Cao Bằng: Tổ chức thu phí tại Điểm 2, Mục I, Khoản 3, Điều này; tổ chức thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành</p>		
<p>b) Công ty Cổ phần Du lịch Cao Bằng: Tổ chức thu phí tại Mục II, Khoản 3, Điều này; tổ chức thu phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 50% (năm mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách</p>	<p>Chi tiết tại khoản 2 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	

Nhà nước hiện hành.		
c) Thư viện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Tổ chức thu phí tại Mục III, Khoản 3, Điều này; tổ chức thu phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành	Chi tiết tại khoản 3 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	
đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng: Tổ chức thu phí tại mục IV, Khoản 3, Điều này; tổ chức thu phí được để lại 30% (ba mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 70% (bảy mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.	Chi tiết tại khoản 4 Điều 3 Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	
a) Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm		

<p>2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</p>		
<p>Điều 2: Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.</p>		
<p>Điều 3: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này</p>		
<p>Điều 4: Nghị quyết này bãi bỏ Khoản 2,</p>	<p>Điều 4. Điều khoản thi hành</p>	

<p>Mục III, Mục V, phần A Biểu chi tiết Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh Ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND.</p>	<p>1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 43/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.</p> <p>3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.</p>	
---	--	--

Nơi nhận:

- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC**Nguyễn Quốc Trung**

